

Nghiên cứu gốc

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHO TRẺ BÚ SỚM SAU SINH CỦA CÁC BÀ MẸ SINH CON TẠI MỘT SỐ BỆNH VIỆN TUYẾN TRUNG ƯƠNG VÀ TUYẾN TỈNH NĂM 2024

Trịnh Ngọc Quang, Hoàng Thị Khánh Phương, Nguyễn Thanh Hồng[✉],
Bùi Thị Minh Thư, Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Hồng Lua.

Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương, Bộ Y tế

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc cho trẻ bú sớm sau sinh của các bà mẹ sinh con tại một số bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện từ tháng 1/2024 đến tháng 3/2024 trên 295 bà mẹ sinh con tại 5 bệnh viện (Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Sản - Nhi Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Bệnh viện Phụ sản Thái Bình). Các đối tượng được phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi thiết kế sẵn về các nội dung kiến thức, thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh.

Kết quả: Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đạt về cho trẻ bú sớm sau sinh là 54%. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đạt về sữa non là 50%. Có 38,6% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, 51,6% bà mẹ cho trẻ ăn thêm thức ăn nước uống ngoài sữa mẹ. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức, phương thức sinh và nơi sinh sống của bà mẹ đến việc thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh.

Kết luận: Kiến thức của bà mẹ về bú sớm sau sinh và sữa non còn hạn chế, tỷ lệ cho con bú giờ đầu sau sinh còn thấp.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, nuôi con bằng sữa mẹ, bệnh viện phụ sản.

KNOWLEDGE AND PRACTICE ON EARLY INITIATION OF BREASTFEEDING AMONG POSTNATAL MOTHERS DELIVERY AT SOME CENTRAL AND PROVINCIAL OBSTETRICS HOSPITAL IN 2024

ABSTRACT

Aims: The objective of this study was to evaluate the knowledge, and practices of early initiation of breastfeeding and to assess factors associated with early initiation of breastfeeding practices among postnatal mothers delivering in some central and provincial obstetrics hospitals in 2024.

Methods: A cross-sectional study was conducted from January 2024 to March 2024 among postpartum mothers who were selected through convenient nonrandom sampling. A structured questionnaire including the participant's data, knowledge, and practices was administered.

Results: A total of 295 postnatal mothers participated in the study. The results of study revealed that the percentage of mother's with good knowledge on early initiation of breastfeeding and on colostrum was 54% and 50%, respectively.

✉ Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Hồng
Email: hongapril20000@gmail.com
Doi: 10.56283/1859-0381/704

Nhận bài: 10/4/2024 Chỉnh sửa: 25/4/2024
Chấp nhận đăng: 18/3/2025
Công bố online: 21/3/2025

There was only 38.6% of mothers initiated breastfeeding within 1 hour after birth, among which, there was 51.6% gave their children liquids or foods in addition to breast milk. There were significant relationships between early initiation of breastfeeding, maternal knowledge and type of delivery, and dwelling place ($p < 0.05$).

Conclusion: Mothers' knowledge on early initiation of breastfeeding and on colostrum are limited, and the rate of breastfeeding initiation within the first hour after birth is still low.

Key words: Knowledge, practice, breastfeeding, obstetrics hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) là một biện pháp tự nhiên, kinh tế, hiệu quả để bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến cáo các bà mẹ nên cho con bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, sau đó cho trẻ ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục cho trẻ bú mẹ tới 24 tháng hoặc lâu hơn. Tại Việt Nam, “*Tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ bà mẹ cho con bú sớm*” là một bước trong Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh theo Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 và Quyết định số 6743/QĐ-BYT ngày 15/11/2016) [1, 2]. Theo “*Báo cáo điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2021-2022*” - UNICEF cho thấy chỉ có 45,4% trẻ em dưới 6 tháng tuổi được bú mẹ hoàn toàn và chỉ 23,5% trẻ sơ sinh được bú mẹ

trong vòng một giờ đầu sau sinh [3]. Để biết được thực trạng cho trẻ bú sớm sau sinh, đâu là yếu tố ảnh hưởng đến thực hành này của các bà mẹ từ đó có cơ sở xây dựng các hoạt động can thiệp, trong đó có can thiệp truyền thông phù hợp, thúc đẩy việc bà mẹ cho trẻ bú sớm sau sinh thì cần có câu trả lời cho các câu hỏi: Thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh của các bà mẹ như thế nào? Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến hành vi của các bà mẹ? Kênh truyền thông nào các bà mẹ mong muốn được tiếp cận để có được các thông tin về sữa non và cho trẻ bú mẹ sớm sau sinh? Do đó, nghiên cứu có mục tiêu mô tả thực trạng và các yếu tố liên quan đến việc cho trẻ bú sớm sau sinh của các bà mẹ sinh con tại các bệnh viện tuyến Trung ương và tuyến tỉnh được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2024.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Sản - Nhi Đà Nẵng trên các là bà mẹ sinh con sau 24 đến 72 giờ và đồng ý hợp tác.

2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Công thức tính cỡ mẫu:

Tiêu chuẩn loại trừ: Bà mẹ mắc các bệnh có chống chỉ định cho con bú, tâm thần, câm, điếc, con chết hoặc có các bất thường về sức khỏe/dị tật; Bà mẹ từ chối tham gia nghiên cứu.

$$n = \frac{z_{(1-\alpha/2)}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu; Với $\alpha = 0,05$ thì $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$; p (tỷ lệ bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu

2.3. Thu thập và xử lý số liệu

Phỏng vấn trực tiếp đối tượng để thu thập thông tin. Các tiêu chí đánh giá gồm: (i) Kiến thức cho trẻ bú sớm đạt khi: Bà mẹ trả lời đúng thời điểm cho trẻ bú đồng thời trả lời được ít nhất 1 lợi ích cho mẹ và 1 lợi ích cho con; (ii) Kiến thức sữa

non đạt khi: Hiểu đúng khái niệm về sữa non đồng thời trả lời được ít nhất 2 lợi ích của sữa non. Số liệu được làm sạch và nhập bằng phần mềm EPIDATA. Phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 27.

III. KẾT QUẢ

Tổng số đối tượng tham gia nghiên cứu là 295 bà mẹ, có độ tuổi chủ yếu từ 20-35 với tỷ lệ 83,7%. 59,7% bà mẹ có trình độ trung cấp trở lên; 40,3% là nhân viên văn phòng. Có 45,8% bà mẹ sinh con lần đầu

lòng. Tỷ lệ bà mẹ sinh mổ là 69,2%. Có 67,1% bà mẹ trả lời đúng thời điểm cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh (theo đúng khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới).

Bảng 1. Kiến thức về lợi ích của việc cho trẻ bú sớm

| Lợi ích việc ngậm bắt vú mẹ sớm | Tần số (n=276) | Tỷ lệ (%) |
|---|----------------|-----------|
| <u>Đối với trẻ</u> | | |
| Được ủ/giữ ấm | 107 | 38,8 |
| Tốt cho sức khỏe | 157 | 56,9 |
| Tăng tình cảm mẹ con | 114 | 41,3 |
| Tổng phân xu | 56 | 20,3 |
| Khác (trẻ tập bú) | 43 | 13,6 |
| Không biết | 16 | 5,6 |
| <u>Đối với mẹ</u> | | |
| Kích thích sữa về | 255 | 92,4 |
| Giúp co hồi tử cung, tránh băng huyết | 131 | 47,5 |
| Bà mẹ yên tâm, tự tin NCBSM | 63 | 22,8 |
| Tránh cương tức, áp xe vú | 85 | 31 |
| Khác (mẹ giảm cân, mau lành vết thương) | 4 | 1,4 |
| Không biết | 3 | 1,1 |

Bảng 1 trình bày kiến thức của bà mẹ về lợi ích của việc cho trẻ bú sớm. Đa số các bà mẹ đều nêu được lợi ích của việc cho trẻ ngậm bắt vú sớm đối với mẹ và

đối với trẻ, trong đó 92,4% bà mẹ biết về lợi ích 'kích thích sữa về'. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức về cho trẻ bú sớm sau sinh

không có sự chênh lệch lớn, tỷ lệ đạt là 54%, tỷ lệ không đạt chiếm 46%.

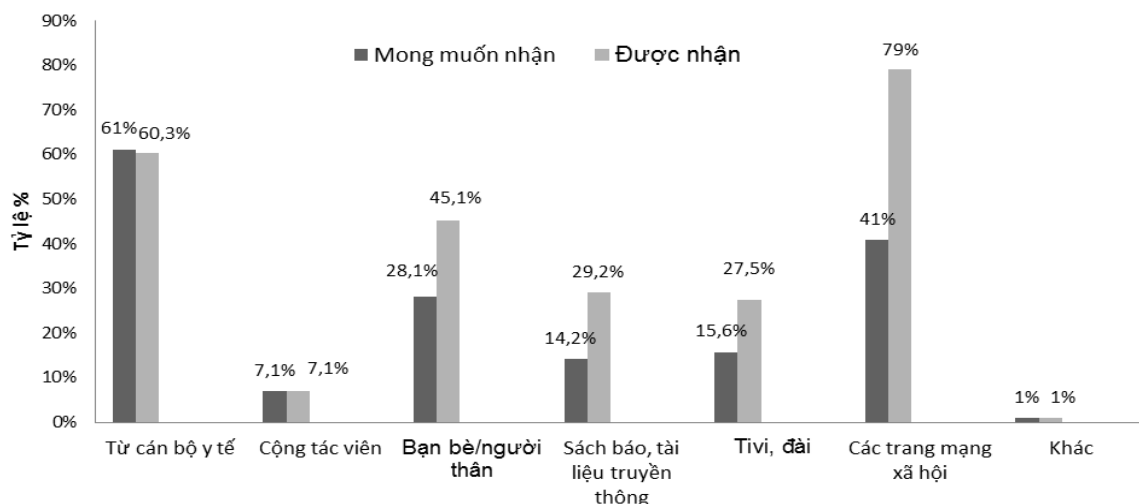
Bảng 2. Hiểu biết của bà mẹ về lợi ích của sữa non

| Lợi ích của sữa non | Tần số (n= 282) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------|-----------------|-----------|
| Kích thích cơ thể trẻ tạo kháng thể | 229 | 80,9 |
| Tổng phân xu | 82 | 29,0 |
| Giúp não bộ trẻ phát triển | 76 | 26,9 |
| Cải thiện hệ tiêu hoá của trẻ | 86 | 30,4 |
| Cung cấp dinh dưỡng | 86 | 47,7 |
| Khác | 5 | 1,8 |
| Không biết | 19 | 6,7 |

Bảng 2 trình bày Hiểu biết của bà mẹ về lợi ích của sữa non. Tỷ lệ bà mẹ biết sữa non có tác dụng kích thích cơ thể trẻ tạo kháng thể, và ‘Cung cấp dinh dưỡng’ lần lượt là 80,9% và 47%. Đánh giá mức độ kiến thức của bà mẹ về sữa non: chỉ có 50% bà mẹ có kiến thức ở mức độ đạt

(biết thế nào là sữa non và kể được ít nhất 2 lợi ích của sữa non). Thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh của bà mẹ : Chỉ có 38,6% bà mẹ cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, số còn lại cho trẻ bú sau 1 giờ.

3.5. Tiếp cận nguồn thông tin



Hình 1. Nguồn thông tin và nhu cầu nhận thông tin về NCBSM

Theo Hình 1, nguồn thông tin các bà mẹ tiếp cận chủ yếu từ các trang mạng xã hội chiếm 79%, tiếp theo là cán bộ y tế là 60,3%, bạn bè và người thân là 45,1%. Tỷ lệ bà mẹ nhận được thông tin từ tài liệu truyền thông và từ tivi và đài gần tương

đương nhau lần lượt là 29,2% và 27,5%. Tỷ lệ bà mẹ mong muốn nhận được thông tin nhiều nhất là từ cán bộ y tế là 61% và các trang mạng xã hội là 41,9%, bạn bè và người thân là 28,1%.

3.6. Tìm hiểu mối liên quan giữa một số yếu tố và việc cho trẻ bú sớm

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan với thực hành cho trẻ bú sớm

| Một số yếu tố liên quan | Không cho trẻ bú sớm sau sinh | Cho trẻ bú sớm sau sinh | OR | <i>p</i> |
|---|-------------------------------|-------------------------|-------------|----------|
| Kiến thức của bà mẹ đối với việc cho bú sớm sau sinh | | | | |
| Không đạt | 89 | 14 | 11,56 | <0,01 |
| Đạt | 55 | 100 | (6,02-22,2) | |
| Kiến thức của bà mẹ đối với sữa non | | | | |
| Không đạt | 84 | 35 | 3,16 | <0,05 |
| Đạt | 60 | 79 | (1,88-5,30) | |
| Nơi sinh sống của bà mẹ | | | | |
| Nông thôn | 88 | 46 | 2,37 | <0,01 |
| Thành phố | 55 | 68 | (1,43-3,9) | |
| Phương thức sinh | | | | |
| Mổ đẻ | 112 | 63 | 2,8 | <0,001 |
| Sinh thường | 32 | 51 | (1,65-4,86) | |

Theo Bảng 3, kết quả nghiên cứu đã tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức của bà mẹ đối với việc cho bú sớm sau sinh và sữa non với thực hành cho trẻ bú sớm

($p < 0,01$ và $p < 0,05$). Phương thức sinh và nơi sinh sống của bà mẹ cũng có mối liên quan với thực hành cho trẻ bú sớm với p lần lượt là ($p < 0,01$ và $p < 0,001$).

IV. BÀN LUẬN

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Độ tuổi của đối tượng nghiên cứu của các bà mẹ ($n=295$), chủ yếu ở độ tuổi từ 20-35 (83,7%) đây là độ tuổi phù hợp với độ tuổi sinh đẻ. Tỷ lệ bà mẹ sinh mổ

chiếm 69,2%, kết quả này phù hợp với xu thế sinh của Việt Nam theo báo cáo tổng kết công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em của Bộ Y tế năm 2022.

Kiến thức về cho trẻ bú sớm sau sinh và sữa non

Kiến thức cho trẻ bú sớm sau sinh: bao gồm thời điểm cho trẻ bú và nêu được ít nhất 1 lợi ích cho con và 1 lợi ích cho mẹ. Trong tổng số 295 bà mẹ tham gia nghiên cứu, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đạt là 54%, trong đó, 67,1% nêu được đúng thời điểm; Tỷ lệ bà mẹ nêu được lợi ích khi cho trẻ bú sớm sẽ kích thích sữa về là 92,4% và trẻ được bú sớm sẽ tốt cho sức khỏe là 56,8%.

Như vậy còn 46% bà mẹ chưa có kiến thức đầy đủ về thực hành cho trẻ ngậm bắt vú sớm hay cho trẻ bú sớm.

Kiến thức về sữa non: Kiến thức sữa non đạt khi: Hiểu đúng khái niệm về sữa non đồng thời trả lời được ít nhất 2 lợi ích của sữa non. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chỉ có 50% bà mẹ có kiến thức

hay kiến thức về sữa non. Tuy nhiên tỷ lệ bà mẹ nếu được đúng khái niệm về sữa non thì ở mức khá cao là 88%. Có thể do các bà mẹ đang ở trong độ tuổi trẻ 20-35

Thực hành cho trẻ bú sớm

Tỷ lệ cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh chỉ đạt 38,6%, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên và cộng sự tại bệnh viện Phụ sản Hà nội năm 2020 [4]. Nguyên nhân cản trở việc bà mẹ không cho trẻ bú có thể do phần lớn các bà mẹ trong nghiên cứu (69,2%) sinh mổ. Tuy nhiên, tỷ lệ này khá cao đối với những bệnh viện được công nhận là ‘*Bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc*’. tại bệnh viện Sản – Nhi Đà Nẵng là 90% và Từ Dũ là 78,3%. Nhận định ban đầu của nhóm nghiên cứu là đối với bệnh viện có áp

được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin qua tư vấn, các phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội.

dụng quy định, tiêu chuẩn của Bộ Y tế về thực hành nuôi con bằng sữa mẹ thì tỷ lệ này có khả năng sẽ được cải thiện.

Trong số những trẻ đã được bú mẹ, chỉ có 48,4% trẻ được bú mẹ hoàn toàn tính đến thời điểm phỏng vấn. 51,6% bà mẹ đã cho trẻ ăn/uống thêm thức ăn nước uống khác với lý do chủ yếu là chưa có sữa/không đủ sữa là 81,1%. Điều này cho thấy cần có nghiên cứu sâu thêm về niềm tin ảnh hưởng rất nhiều đến thực hành của bà mẹ.

Tiếp cận nguồn thông tin của bà mẹ

Có 79% bà mẹ nhận được thông tin về NCBSM từ các trang mạng xã hội (trong đó cao nhất là Facebook: 70,5%); Từ cán bộ y tế và từ bạn bè người thân lần lượt là 60,3% và 45,1%. Cán bộ y tế cũng là kênh cung cấp kiến thức về NCBSM mà các bà mẹ thích được nhận nhất (61%). Tiếp đến là từ các trang mạng xã hội (41%), từ bạn bè/người thân (28,1%). Có thể thấy rằng các bà mẹ đều ở lứa tuổi trẻ, có xu hướng sử dụng các kênh truyền thông mới để tiếp cận thông tin. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trịnh Hòa Bình và cộng sự về thực trạng sử dụng mạng xã hội trực tuyến năm 2015 [5]. Điều này có sự khác biệt so với Nghiên cứu của Đỗ

Thúy Liễu và cộng sự năm 2018, có tới 75,6% các bà mẹ nhận thông tin về NCBSM từ người thân [6]. Nguyên nhân của sự dịch chuyển này là do sự phát triển của công nghệ, mạng xã hội. Vì vậy, cần thay đổi các kênh truyền thông, thông điệp và tài liệu truyền thông phù hợp. Bên cạnh đó, đa số các bà mẹ mong muốn, tin tưởng nhận được thông tin từ cán bộ y tế (61%), chủ yếu vào thời điểm khi mang thai (55,9%). Vì vậy, cần tận dụng cơ hội để tư vấn cho bà mẹ về việc nuôi con bằng sữa mẹ nói chung, bú sớm và bú sữa non sau sinh trong mỗi lần khám thai, khám sức khỏe định kỳ.

Mối liên quan giữa một số yếu tố với thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh

Nghiên cứu đã tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức đạt về cho trẻ bú sớm sau sinh, kiến thức đạt về sữa non với thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh của bà mẹ ($p < 0,01$). Bên cạnh đó, bà mẹ ở nông thôn

có nguy cơ không cho trẻ bú cao gấp 2,37 lần bà mẹ ở thành phố.

Các bà mẹ sinh thường có khả năng cho trẻ bú sớm sau sinh cao (OR=4,6) so với các bà mẹ sinh mổ ($p < 0,001$). Đây cũng là vấn đề được chỉ ra ở nhiều nghiên

cứu trước, nhiều quốc gia, nhiều vùng miền. Điều này là do bà mẹ mệt sau mổ đẻ nên chưa thể cho con bú sớm sau sinh. Tuy nhiên các nghiên cứu đã chứng minh

rằng trong trường hợp bà mẹ sinh mổ, trẻ cũng cần được bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh và cần được hỗ trợ tích cực từ phía cán bộ y tế [7, 8].

V. KẾT LUẬN

Kiến thức chung của bà mẹ về bú sớm sau sinh và sữa non còn hạn chế: trong đó: 54% bà mẹ có kiến thức đạt về bú sớm sau sinh, 50% bà mẹ có kiến thức đạt về sữa non. Thực hành về bú sớm sau sinh còn hạn chế: chỉ có 38,6% bà mẹ cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh.

Có mối liên quan giữa thực hành cho trẻ bú sớm của bà mẹ với kiến thức đạt về bú sớm sau sinh, sữa non, nơi sinh sống và phương thức sinh của bà mẹ.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”.
2. Bộ Y tế. Quyết định số 6743/QĐ-BYT ngày 15/11/2016 về việc phê duyệt hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai.
3. UNICEF. Điều tra Đánh giá các Mục tiêu về Trẻ em và Phụ nữ (MICS) năm 2020-2021. Nhà xuất bản Tổng cục thống kê, Hà Nội. 2021.
4. Nguyễn Thị Liên, Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Mai Hương. Kiến thức và thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh và bú mẹ hoàn toàn của bà mẹ tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2021;4(2):102-108.
5. Trịnh Hòa Bình, Lê Thế Linh, Phan Quốc Thắng. Thực trạng sử dụng mạng xã hội trực tuyến và một số gợi ý về chính sách. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. 2015;2(12):41-48.
6. Đỗ Thị Thúy Liễu, Lưu Thị Mỹ Tiên. Kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và các yếu tố liên quan tại bệnh viện Quốc tế Phương Châu năm 2017. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2018;22(6):160-169.
7. WHO Secretariat (2010), Early Initiation of Breastfeeding: the Key to Survival and Beyond, WHO. Available at <https://iris.paho.org/handle/10665.2/53924>
8. Hobbs AJ, Mannion CA, McDonald SW, Brockway M, Tough SC. The impact of caesarean section on breastfeeding initiation, duration and difficulties in the first four months postpartum. *BMC Pregnancy Childbirth*. 2016;16:90. doi:10.1186/s12884-016-0876-1.